

Số: 4108/QĐ-BV

Quảng Nam, ngày 09 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc điều chỉnh cơ cấu giá thu dịch vụ tiêm huyết thanh uốn ván SAT

**GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TRUNG ƯƠNG QUẢNG NAM**

Căn cứ Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 16 tháng 04 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam, trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 4268/QĐ-BYT ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động đối với Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam;

Xét mức giá thu dịch vụ SAT của các cơ sở y tế công lập và tư nhân trên địa bàn huyện Núi Thành;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính kế toán, Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Điều chỉnh bảng cơ cấu dịch vụ tiêm huyết thanh uốn ván (SAT) tại phụ lục 02 của Quyết định số 2223/QĐ-BV của Giám đốc Bệnh viện ký ban hành ngày 28/6/2021. Chi tiết nội dung điều chỉnh theo phụ lục 01 đính kèm quyết định này

**Điều 2.** Các nội dung khác của Quyết định 2223/QĐ-BV ngày 28/6/2021 không thay đổi.

**Điều 3.** Trưởng phòng Tài chính kế toán trưởng khoa phòng và cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TCKT.



**Đinh Đạo**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục I

**BẢNG CƠ CẤU DỊCH VỤ TIÊM HUYẾT THANH UÔN VÁN (SAT)**

(Ban hành kèm theo QĐ số 4108/QĐ-BV ngày 09/11/2021 của Giám đốc BV)

ĐVT: Đồng)

STT	CHI TIẾT CÁC KHOẢN	ĐVT	ĐƠN GIÁ	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN
<b>I</b>	<b>Mức thu</b>	Lần	40 000	1	40 000
<b>II</b>	<b>Chi phí về hóa chất, vật tư tiêu hao để thực hiện dịch vụ</b>				30 561
1	Bông	mg	125	1	125
2	Cồn 70 độ	ml	35	1	35
3	Bơm tiêm 3ml	cái	568	1	568
4	Huyết thanh kháng độc tô uôn ván (SAT)	Ống	25	1	25 263
5	Găng tay	Đôi	3 000	1	3 000
6	Khẩu trang y tế	cái	1 420	1	1 420
7	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	ml	150	1	150
<b>III</b>	<b>Chi phí tiền lương của bệnh viện</b>				
<b>IV</b>	<b>Chi phí điện nước, xử lý rác thải</b>				1 579
1	Tiền điện	Kw	1 844	0,32	590
2	Tiền điện điều hòa	Kw	1 844	0,15	277
3	Xử lý rác thải	Kg	12 000	0,05	600
4	Tiền nước	m3	11 179	0,01	112
<b>V</b>	<b>Chi phí khấu hao tài sản cố định</b>				432
1	Tủ lạnh	Cái	7 000 000	0,000008	56
2	Máy tính, máy in (sử dụng chung)+điều hòa	Cái	47 000 000	0,000008	376
<b>VI</b>	<b>Tiền thuế TNDN</b>	Đồng	40 000	2%	800
<b>VII</b>	<b>Phân phối chênh lệch thu chi</b>				6 628
1	Chi cho khoa thực hiện	Đồng	6 628	40%	2 651
2	Chi cho khoa quản lý kho SAT	Đồng	6 628	10%	663
3	Chi cho khoa phòng thanh quyết toán	Đồng	6 628	10%	663
4	Trích lập quỹ PTSN	Đồng	6 628	30%	1 988
5	Trích lập quỹ PL và khen thưởng	Đồng	6 628	10%	662
					40 000